

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY
C? PH?N
CITY
AUTO

Digitally signed by CÔNG TY
C? PH?N CITY AUTO
DN: cn=CÔNG TY C? PH?N
CITY AUTO c=VN l=218 Qu?c
L? 13, Phu?ng Hi?p B?nh
Ch?nh, Th? nh ph? Th? h? c,
Th? nh ph? H? Ch? Minh
o=MST:0307979603
ou=MST:0307979603
e=hr@cityford.com.vn
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2021-03-30 13:24+07:00

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Báo cáo tài chính năm 2020 kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	3 - 4
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ Phần City Auto (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2020 kết thúc ngày 31/12/2020.

Công ty Cổ Phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 12 ngày 15/01/2021 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề của Công ty:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Hình thức sở hữu vốn

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 12 là: 455.399.680.000 đồng

Vốn góp của các cổ đông đến ngày 31/12/2020: 455.399.680.000 đồng

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông:	Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	
Ông:	Trần Lâm	Thành viên	
Ông:	Trần Trung Chánh	Thành viên	
Ông:	Nguyễn Đăng Hoàng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27/6/2020
Ông:	Lê Minh Tâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27/6/2020
Ông:	Võ Thanh Phong	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27/6/2020
Ông:	Năm Vuồn Phu	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27/6/2020

Ban Tổng giám đốc Công ty gồm:

Ông:	Trần Trung Chánh	Tổng Giám đốc
Ông:	Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Bà:	Lê Thị Phú	Giám đốc tài chính

Ban kiểm soát gồm:

Bà:	Phạm Thị Mỹ Dung	Trưởng ban
Bà:	Nguyễn Thị Tâm	Thành viên
Bà:	Lê Thị Thương Thương	Thành viên

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Sau ngày kết thúc niên độ năm 2020, Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 455.399.680.000 đồng lên 683.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 369/NQ-CTF/2019 ngày 21/12/2019.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính vào ngày 31/12/2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2020 cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2020. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở thực hiện đầy đủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Việc lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục;

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và bảo đảm rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021

TM.BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Người đại diện theo pháp luật



TRẦN NGỌC DÂN

Số: ~~242~~.../BCKT/TC/2021/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần City Auto

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần City Auto, được lập ngày 22 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra các ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. HCM, ngày 26 tháng 3 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế Toán
và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)**



LÊ ĐÌNH ÁI

Số Giấy CNĐKHNKT 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

LÊ VĂN THẮNG

Số Giấy CNĐKHNKT 0974-2018-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. Tài sản ngắn hạn	100		356.795.689.144	399.081.592.654
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	14.460.721.002	10.302.795.520
1. Tiền	111		14.460.721.002	10.302.795.520
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		252.526.600.757	198.466.025.846
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	93.726.085.816	118.151.995.614
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	17.875.266.377	20.783.449.152
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	140.756.212.403	59.444.010.900
4. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.05	169.036.161	86.570.180
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.06	88.113.784.447	188.298.989.180
1. Hàng tồn kho	141		88.113.784.447	189.124.803.425
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(825.814.245)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.694.582.938	2.013.782.108
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07a	1.466.937.226	2.013.782.108
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	227.645.712	
B. Tài sản dài hạn	200		594.814.019.909	546.742.575.059
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		63.731.243.073	32.131.585.499
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	63.731.243.073	32.131.585.499
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		96.702.244.079	98.341.952.958
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	12.372.677.162	13.919.419.377
- Nguyên giá	222		28.884.079.072	29.235.442.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.511.401.910)	(15.316.022.868)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	84.329.566.917	84.422.533.581
- Nguyên giá	228		84.815.124.623	84.815.124.623
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(485.557.706)	(392.591.042)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		68.500.000	849.376.363
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	68.500.000	849.376.363
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250		431.180.000.000	411.180.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	431.180.000.000	411.180.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		3.132.032.757	4.239.660.239
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07b	3.132.032.757	4.239.660.239
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		951.609.709.053	945.824.167.713

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. Nợ phải trả	300		438.696.360.324	451.312.564.297
I. Nợ ngắn hạn	310		338.696.360.324	451.312.564.297
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	13.723.983.446	10.966.231.648
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	8.462.781.610	12.674.242.267
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	504.955.268	6.240.643.001
4. Phải trả người lao động	314		4.076.445.288	7.208.461.323
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	1.873.004.123	2.292.869.706
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	7.095.871.343	6.681.527.992
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	300.530.917.982	402.574.124.096
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	2.428.401.264	2.674.464.264
II. Nợ dài hạn	330		100.000.000.000	-
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	100.000.000.000	-
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.19	512.913.348.729	494.511.603.416
I. Vốn chủ sở hữu	410		512.913.348.729	494.511.603.416
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		455.399.680.000	455.399.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		455.399.680.000	455.399.680.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.152.481.800	3.152.481.800
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		54.361.186.929	35.959.441.616
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		35.959.441.616	3.933.585.996
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		18.401.745.313	32.025.855.620
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		951.609.709.053	945.824.167.713

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân

Người đại diện theo pháp luật



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**Năm 2020**

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.119.298.152.554	2.752.969.880.638
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		38.272.727	5.586.928.982
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	2.119.259.879.827	2.747.382.951.656
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.993.053.829.280	2.571.436.959.709
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		126.206.050.547	175.945.991.947
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	17.919.838.039	12.458.541.951
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	21.026.357.438	26.897.323.301
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		21.026.357.438	26.897.323.301
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	79.123.095.384	95.980.851.169
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	33.977.916.355	36.061.650.702
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.998.519.409	29.464.708.726
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	8.713.442.737	22.483.217.603
12.	Chi phí khác	32	VI.08	310.216.833	1.987.838.849
13.	Lợi nhuận khác	40		8.403.225.904	20.495.378.754
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18.401.745.313	49.960.087.480
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	5.501.807.644
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		18.401.745.313	44.458.279.836

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân

Người đại diện theo pháp luật



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	18.401.745.313	49.960.087.480
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.862.194.142	3.996.606.701
Các khoản dự phòng	03	(825.814.245)	-
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(17.288.446.495)	(11.355.286.934)
Chi phí lãi vay	06	21.026.357.438	26.897.323.301
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	25.176.036.153	69.498.730.548
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	(85.887.878.197)	161.482.181.849
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	101.011.018.978	(43.101.714.416)
Tăng (giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	94.963.812.038	(9.276.836.794)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	1.654.472.364	(4.285.239.788)
Tiền lãi vay đã trả	14	(20.815.296.691)	(26.897.323.301)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.501.807.644)	(7.914.443.885)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(246.063.000)	(495.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	110.354.294.001	139.009.704.213
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(7.096.507.821)	(7.658.098.875)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác	22	5.761.454.546	5.180.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(20.000.000.000)	(365.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.320.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	17.181.890.870	12.458.541.951
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.153.162.405)	(349.699.556.924)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	216.000.000.000
Tiền thu từ đi vay	33	1.774.724.699.233	2.236.559.485.369
Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.876.767.905.347)	(2.253.041.897.598)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(102.043.206.114)	199.517.587.771
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	4.157.925.482	(11.172.264.940)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	10.302.795.520	21.475.060.460
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	14.460.721.002	10.302.795.520

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2021

Lê Thị Phú

Kế toán trưởng

Trần Ngọc Dân

Người đại diện theo pháp luật

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1- Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần City Auto (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0307979603 ngày 09/3/2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 12 ngày 15/01/2021 được cấp bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là CTF kể từ ngày 30/5/2017 theo Quyết định số 159/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/5/2017.

2- Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Thương mại – Dịch vụ

3- Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: bán buôn xe ô tô, xe gắn máy và phụ tùng;
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống). Chi tiết: bán lẻ ô tô;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết : bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở);
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm. Chi tiết: hoạt động của đại lý bảo hiểm.
- Các ngành nghề khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: 12 tháng

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

Không có thay đổi nào làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính năm 2020.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính tại số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

➤ Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng đặt tại Lô F3, đường K1, Khu công nghiệp Cát Lái, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Bà Rịa đặt tại Quốc lộ 51, phường Phước Trung, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-002;
- Công ty Cổ phần City Auto – Chi nhánh Vũng Tàu đặt tại số 40A, đường 30/4, phường 9, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-004;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 02 đặt tại 431 Nguyễn Xí, phường 11, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam, mã số chi nhánh: 0307979603-003;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 03 đặt tại số 124/9D Ung Văn Khiêm, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-005;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần City Auto – Kho hàng 04 đặt tại số 12 đường số 9, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh, mã số chi nhánh: 0307979603-006.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

➤ Tại ngày 31/12/2020, Công ty có 04 công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Ô tô Phú Mỹ	Lô B1 đường C2, KCN Cát Lái 2, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp. Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	98,53%	98,53%
Công ty Cổ phần Ô tô Nha Trang	51 Lê Hồng Phong, Phường Phước Tân, Thành phố Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Thương mại – dịch vụ	73,00%	73,00%
Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	số 682A, Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh	Thương mại – dịch vụ	96,52%	96,52%
Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	Số 224, Quốc lộ 51, P. Kim Dinh, Tp. Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	Thương mại – dịch vụ	95,00%	95,00%

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Các thông tin so sánh đã được kiểm tra, phân loại phù hợp với số liệu cuối năm.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng:

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Cơ sở kế toán và nghĩa vụ thuế, thực hiện theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

- Nguyên tắc xác định các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng

Là chỉ tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm: Tiền mặt tại quỹ của Doanh nghiệp, tiền gửi Ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Đối với tiền mặt tại thời điểm lập báo cáo, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền mặt bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch (do doanh nghiệp tự lựa chọn) tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Đối với tiền gửi ngân hàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính, doanh nghiệp đánh giá lại số dư ngoại tệ theo nguyên tắc: Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi đánh giá lại số dư tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ là tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Trường hợp doanh nghiệp có nhiều tài khoản ngoại tệ ở nhiều ngân hàng khác nhau và tỷ giá mua của các ngân hàng không có sự chênh lệch đáng kể thì có thể lựa chọn tỷ giá mua của một trong các ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ làm căn cứ đánh giá lại.

2. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản thu khác tại thời điểm báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến, các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ

Công ty tính giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Riêng đối với hàng hóa là các loại xe ô tô giá xuất được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại của tài sản cố định. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào điều kiện hoạt động như dự định. Những chi phí mua sắm, cải tiến và tân trang được chuyển hoá thành tài sản cố định, còn những chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và hao mòn lũy kế được khoá sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh tuân thủ theo qui định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận ban đầu theo giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

Phần mềm kế toán

Phần mềm được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trừ dần nguyên giá tài sản cố định cho thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao được áp dụng trừ dần nguyên giá tài sản cố định, thời gian ước tính như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao</u>
- Nhà cửa vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 06 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm	03 - 05 năm

5. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn phát sinh một lần quá lớn...

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý;

Phân loại:

- Chi phí trả trước ngắn hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoản thời gian không quá 12 tháng hoặc 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước.

- Chi phí trả trước dài hạn: Là số tiền Công ty đã trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ có thời hạn trên 12 tháng hoặc hơn 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường kể từ thời điểm trả trước; lợi thế thương mại và lợi thế kinh doanh còn chưa phân bổ vào chi phí tại thời điểm báo cáo.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

+ Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

+ Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, Công ty không phát sinh dự phòng đầu tư.

7. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Nguyên tắc ghi nhận: Bao gồm các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm lập báo cáo.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là nợ dài hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

Những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi đó phát sinh, nếu có chênh lệch giữa số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Công ty hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ, kế toán phải theo dõi chi tiết nguyên tệ.



CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Phân loại các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính:

- Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn.
- Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Tại thời điểm lập báo cáo theo quy định của pháp luật, Công ty không đánh giá lại số dư của các khoản vay, nợ thuê tài chính do không có gốc ngoại tệ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại điều lệ Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Việc phân chia lợi nhuận hoạt động kinh doanh của công ty phải đảm bảo theo đúng chính sách tài chính hiện hành.

Công ty trích lập các quỹ sau đây từ lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty theo Đề nghị của Hội đồng quản trị và được đại hội đồng cổ đông phê duyệt:

- *Quỹ đầu tư phát triển:* Nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của công ty
- *Quỹ khen thưởng phúc lợi:* Nhằm đem lại phúc lợi chung, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hoá đã chuyển giao cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt

động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn

Thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty: nhượng bán, thanh lý TSCĐ, tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng, tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản tổn thất, khoản thu từ nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ; nợ phải trả không xác định được chủ, thu nhập từ quà, biếu, tặng bằng tiền, hiện vật...

12. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

14. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng

Các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý

Các chi phí quản lý chung chỉ được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

16. Chi phí khác

Phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Các khoản chi phí khác không được coi là chi phí tính thuế TNDN theo quy định của Luật thuế nhưng có đầy đủ hóa đơn chứng từ và đã hạch toán đúng theo Chế độ kế toán thì không được ghi giảm chi phí kế toán mà chỉ điều chỉnh trong quyết toán thuế TNDN để làm tăng số thuế TNDN phải nộp.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 26 và thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 của Bộ Tài Chính.

18. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Việc áp dụng được thực hiện theo chuẩn mực kế toán số 28 và thông tư số 20/2006/TT-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính

19. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

20. Nguyên tắc ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Đối với công ty mẹ là công ty cổ phần, chỉ tiêu này chỉ được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất, không trình bày trên Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	518.207.600	756.642.613
Tiền gửi ngân hàng	13.942.513.402	9.546.152.907
Cộng	14.460.721.002	10.302.795.520
2. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	83.113.269.355	107.799.656.741
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	93.706.723	3.200.766.166
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	10.519.109.738	7.151.572.707
Cộng	93.726.085.816	118.151.995.614
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty TNHH Minh Long	1.440.084.000	544.385.099
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	16.275.296.800	13.004.849.334
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	-	6.661.946.934
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	159.885.577	572.267.785
Cộng	17.875.266.377	20.783.449.152
4. Phải thu khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Phải thu khác từ Công ty Ford Việt Nam	32.825.017.806	26.591.945.118
- Ký quỹ cho Công ty TNHH Minh Long thực hiện cải tạo nhà xưởng	70.000.000.000	-
- Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Trident Auto	6.000.000.000	3.000.000.000
- Phải thu khác từ Công ty TNHH New City Rental	1.200.000.000	1.200.000.000
- Phải thu khác Công ty CP Auto Trường Chinh (bên liên quan)	11.497.000.000	-
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang (bên liên quan)	1.698.072.813	1.830.215.524
- Phải thu khác Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ (bên liên quan)	2.200.548.742	2.123.213.636
- Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Daf Group	1.100.000.000	1.100.000.000
- Phải thu khác từ Công ty CP Bất Động Sản Bảo Long	-	5.320.000.000
- Phải thu khác từ Công ty TNHH Minh Long	-	4.732.073.614
- Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Easy Car	-	1.046.790.000
- Phải thu khác từ Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	-	8.803.773.404
- Phải thu khác từ Ông Trần Trung Chánh (bên liên quan)	-	1.909.676.971
- Phải thu ngắn hạn tiền góp vốn tham gia hợp đồng hợp tác kinh doanh cho Công ty CP Easy Car	10.281.000.000	-
- Các khoản tạm ứng	2.512.871.700	939.028.345
- Ký quỹ ngắn hạn khác	167.911.380	295.334.560
- Các khoản phải thu khác	1.273.789.962	551.959.728
Cộng	140.756.212.403	59.444.010.900

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

b) Dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ 10 năm thuê mặt bằng cho Công ty TNHH Minh Long	60.146.440.000	-
- Ký quỹ thuê văn phòng cho Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô	-	28.034.102.400
- Ký quỹ dài hạn khác	3.584.803.073	4.097.483.099
Cộng	63.731.243.073	32.131.585.499

5. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số lượng	Giá trị	Số lượng
- Hàng tồn kho ở kho Bà Rịa	29.022.678	-	22.800.370	-
- Hàng tồn kho ở kho Hồ Chí Minh	67.037.809	-	63.769.810	-
- Hàng tồn kho ở kho Vũng Tàu	72.975.674	-	-	-
Cộng	169.036.161	-	86.570.180	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công cụ dụng cụ	2.717.946	-	103.762.064	-
- Chi phí sản xuất dở dang	7.136.957.475	-	3.488.447.734	-
- Hàng hóa (6.1)	80.974.109.026	-	185.532.593.627	(825.814.245)
Cộng	88.113.784.447	-	189.124.803.425	(825.814.245)

(6.1) Chi tiết hàng hóa tồn kho:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xe mới các loại	63.758.078.002	162.321.518.165
Xe cũ các loại	-	418.181.818
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Hồ Chí Minh	10.367.217.262	13.599.101.236
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Vũng Tàu	3.533.811.380	3.930.571.439
Phụ tùng, phụ kiện tại Kho Bà Rịa	3.315.002.382	5.263.220.969
Cộng	80.974.109.026	185.532.593.627

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm 2020	Năm 2019
- Số dư đầu năm	(825.814.245)	(825.814.245)
- Trích lập dự phòng	-	-
- Hoàn nhập dự phòng	825.814.245	-
- Số dư cuối năm	-	(825.814.245)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

7. Chi phí trả trước		Số cuối năm	Số đầu năm	
a) Ngắn hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		273.436.635	340.744.240	
- Vật tư sơn chờ kết chuyển		429.474.970	443.933.550	
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển		764.025.621	1.229.104.318	
Cộng		1.466.937.226	2.013.782.108	
b) Dài hạn				
- Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ		1.293.789.621	297.024.159	
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển		1.838.243.136	3.942.636.080	
Cộng		3.132.032.757	4.239.660.239	
8. Tài sản cố định hữu hình				
	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	8.539.688.456	-	-	8.539.688.456
Máy móc, thiết bị	6.789.361.868	199.256.000	-	6.988.617.868
Phương tiện vận tải	13.375.727.449	7.678.128.184	8.228.747.357	12.825.108.276
Thiết bị, dụng cụ quản lý	530.664.472	-	-	530.664.472
Cộng	29.235.442.245	7.877.384.184	8.228.747.357	28.884.079.072
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	7.373.463.437	623.145.437	-	7.996.608.874
Máy móc, thiết bị	4.542.371.822	1.077.099.216	-	5.619.471.038
Phương tiện vận tải	2.921.998.154	2.023.490.135	2.573.848.436	2.371.639.853
Thiết bị, dụng cụ quản lý	478.189.455	45.492.690	-	523.682.145
Cộng	15.316.022.868	3.769.227.478	2.573.848.436	16.511.401.910
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	1.166.225.019			543.079.582
Máy móc, thiết bị	2.246.990.046			1.369.146.830
Phương tiện vận tải	10.453.729.295			10.453.468.423
Thiết bị, dụng cụ quản lý	52.475.017			6.982.327
Cộng	13.919.419.377			12.372.677.162

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 5.462.552.818 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

9. Tài sản cố định vô hình

	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623	-	-	84.022.474.623
Phần mềm	792.650.000	-	-	792.650.000
Cộng	84.815.124.623	-	-	84.815.124.623
Khấu hao lũy kế				
Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Phần mềm	392.591.042	92.966.664	-	485.557.706
Cộng	392.591.042	92.966.664	-	485.557.706
Giá trị còn lại				
Quyền sử dụng đất	84.022.474.623			84.022.474.623
Phần mềm	400.058.958			307.092.294
Cộng	84.422.533.581			84.329.566.917

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 284.850.000 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Mua sắm tài sản cố định	68.500.000	836.421.818
- Chi phí khác	-	12.954.545
Cộng	68.500.000	849.376.363

11. Các khoản đầu tư tài chính

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng	ngàn đồng
- Công ty con	431.180.000	431.180.000	-	411.180.000	411.180.000	-
Cộng	431.180.000	431.180.000	-	411.180.000	411.180.000	-

Đầu tư vào công ty con

Tên công ty		Số lượng cổ phần đăng ký năm giữ	Tỷ lệ vốn góp đăng ký	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2020
- Công ty Cổ phần ô tô Phú Mỹ	(11.1)	6.700.000	98,53%	67.000.000.000
- Công ty Cổ phần ô tô Nha Trang	(11.2)	3.650.000	73,00%	36.500.000.000
- Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh	(11.3)	22.200.000	96,52%	327.680.000.000
- Công ty Cổ phần City Auto Vũng Tàu	(11.4)	5.700.000	95,00%	-
Cộng				431.180.000.000

Tình hình hoạt động của các công ty con và giao dịch trọng yếu giữa các bên liên quan trong năm:

(11.1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0311016926 ngày 03/6/2019, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP ô tô Phú Mỹ là 67 tỷ đồng, tương đương 98,53% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2020, Công ty đã đầu tư 67 tỷ đồng, tương đương 98,53% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(11.2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201649218 ngày 08/10/2019, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP ô tô Nha Trang là 36,5 tỷ đồng, tương đương 73% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2020, Công ty đã đầu tư 36,5 tỷ đồng, tương đương 73% vốn điều lệ.

(11.3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313964193 ngày 20/4/2020, Công ty Cổ phần City Auto đã nhận chuyển nhượng 22.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Auto Trường Chinh từ các cổ đông với tổng giá trị chuyển nhượng là 327.680.000.000 đồng, tương đương 96,52% vốn điều lệ.

(11.4) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502405823 ngày 19/9/2019, Công ty CP City Auto đăng ký đầu tư vào Công ty CP City Auto Vũng Tàu là 57 tỷ đồng, tương đương 95% vốn điều lệ. Tại ngày 31/12/2020, Công ty đã đầu tư 0 đồng, tương đương 0% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn thiếu cần phải đầu tư vào Công ty CP City Auto Vũng Tàu là 57 tỷ đồng.

Các công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước, ngoại trừ Công ty CP City Auto Vũng Tàu đang trong giai đoạn triển khai đầu tư, xây dựng cơ bản và chưa đi vào hoạt động kinh doanh chính thức.

12. Phải trả người bán ngắn hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Ford Việt Nam	8.057.344.933	8.057.344.933	5.429.495.858	5.429.495.858
- Công ty TNHH Minh Long	878.980.800	878.980.800	2.152.100.691	2.152.100.691
- Phải trả các bên liên quan				
+ Công ty CP ô tô Nha Trang	1.829.000.000	1.829.000.000	150.200.311	150.200.311
- Các đối tượng khác	2.958.657.713	2.958.657.713	3.234.434.788	3.234.434.788
Cộng	13.723.983.446	13.723.983.446	10.966.231.648	10.966.231.648

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Tập đoàn Tân Thành Đô (bên liên quan)	-	970.866.650
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% tổng phải thu khách hàng)	8.462.781.610	11.703.375.617
Cộng	8.462.781.610	12.674.242.267

14. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước

a) Phải nộp	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế GTGT phải nộp	582.611.726	191.028.934.214	191.352.131.304	259.414.636
- Thuế TNDN	5.501.807.644	-	5.501.807.644	-
- Thuế TNCN	156.223.631	979.333.730	890.016.729	245.540.632
- Thuế khác	-	7.000.000	7.000.000	-
Cộng	6.240.643.001	192.015.267.944	197.750.955.677	504.955.268
b) Phải thu	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
- Thuế GTGT còn được khấu trừ	-	23.915.611.215	23.687.965.503	227.645.712

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do đó số thuế trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo Quyết định của Cơ quan thuế khi thực hiện việc thanh tra thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Trích trước chi phí đào tạo trả cho Công ty Ford Việt Nam	821.777.990	804.006.082
- Chi phí lãi vay	211.060.747	-
- Chi phí phải trả khác	840.165.386	1.488.863.624
Cộng	1.873.004.123	2.292.869.706

16. Các khoản phải trả khác	Số cuối năm	Số đầu năm
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Hồ Chí Minh	449.682.532	414.701.606
- Tài sản thừa chờ xử lý ở kho Bà Rịa	-	54.008.523
- Chi hệ hỗ trợ bán hàng từ Công ty Ford Việt Nam	1.931.240.054	1.848.500.000
- Phải trả Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	2.243.367.810	2.279.859.997
- Phải trả Ông Trần Ngọc Dân (Bên liên quan)	358.919.623	901.800.000
- Phải trả cổ tức	9.065.000	9.065.000
- Các khoản phải trả khác	2.103.596.324	1.173.592.866
Cộng	7.095.871.343	6.681.527.992
b) Dài hạn	-	-
- Phải trả Ông Bùi Đức Thọ	100.000.000.000	-
Cộng	100.000.000.000	-

Khoản mượn dài hạn từ Ông Bùi Đức Thọ theo Hợp đồng cho mượn tiền số 03/2020CTF ngày 18/6/2020, mục đích bổ sung vốn lưu động với thời hạn 2 năm tính từ ngày hợp đồng. Khoản mượn không có tài sản đảm bảo, lãi suất thỏa thuận theo từng thời kỳ.

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Ngân hàng	Số đầu năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Trong năm		Số cuối năm Giá trị/Số có khả năng trả nợ
		Tăng	Giảm	
- NH Ngoại thương (17.1)	-	283.679.453.191	209.874.673.191	73.804.780.000
- NH Bảo Việt (17.2)	52.306.144.000	170.059.536.000	169.237.712.000	53.127.968.000
- NH Đầu tư và Phát triển (17.3)	182.934.945.051	437.780.392.678	484.415.591.747	136.299.745.982
- NH Quốc tế (17.4)	23.981.932.500	435.309.160.500	422.410.213.500	36.880.879.500
- NH VN Thịnh Vượng (17.5)	-	31.062.544.500	30.645.000.000	417.544.500
- NH Công thương	-	42.514.984.000	42.514.984.000	-
- NH Xuất nhập khẩu	32.300.704.000	179.986.656.000	212.287.360.000	-
- NH An Bình	106.370.224.000	183.396.176.000	289.766.400.000	-
- NH Hàng hải	4.680.174.545	10.935.796.364	15.615.970.909	-
Cộng	402.574.124.096	1.774.724.699.233	1.876.767.905.347	300.530.917.982

(17.1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0378/TD4/20LD ngày 4/8/2020 với tổng hạn mức vay là 250 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 30/4/2021, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 04 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 431 Nguyễn Xi, phường 11, quận Bình Thạnh, Tp.HCM được quy định cụ thể tại các hợp đồng thế chấp kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

(17.2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh TP.HCM theo hợp đồng cho vay hạn mức số 0250-2020-HDTD1-BVB003 ngày 17/8/2020 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định cụ thể tại Hợp đồng thế chấp tài sản và các phụ lục đi kèm; bao gồm các xe ô tô Ford mới 100% thuộc sở hữu của bên vay.

(17.3) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Chánh theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 88/2020/11402179/HDTD ngày 07/7/2020 với tổng hạn mức vay là 300 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức đến ngày 15/6/2021; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc bất động sản hoặc tiền gửi.

(17.4) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quốc tế theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 8225717.20 ngày 03/6/2020 với tổng hạn mức vay là 100 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

(17.5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 374/2020/HDHM/VPB-CITYAUTO ngày 20/10/2020 với tổng hạn mức vay là 200 tỷ đồng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay theo từng lần nhận nợ và tối đa không quá 04 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này được quy định tại các hợp đồng thế chấp hàng hóa từng lần phát sinh là hàng hóa - xe ô tô Ford các loại hình thành từ vốn vay mới 100% hoặc hiện hữu thuộc sở hữu của bên vay.

18. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2020	Năm 2019
Số dư đầu năm	2.674.464.264	3.170.114.264
Giảm do chi quỹ	(246.063.000)	(495.650.000)
Số dư cuối năm	<u>2.428.401.264</u>	<u>2.674.464.264</u>

19. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2019	Tăng	Giảm	31/12/2019
- Vốn góp của chủ sở hữu	180.000.000.000	275.399.680.000	-	455.399.680.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	7.552.481.800	-	4.400.000.000	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	46.500.841.780	44.458.279.836	54.999.680.000	35.959.441.616
Cộng	<u>234.053.323.580</u>	<u>319.857.959.836</u>	<u>59.399.680.000</u>	<u>494.511.603.416</u>
	01/01/2020	Tăng	Giảm	31/12/2020
- Vốn góp của chủ sở hữu	455.399.680.000	-	-	455.399.680.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	3.152.481.800	-	-	3.152.481.800
- LNST chưa phân phối	35.959.441.616	18.401.745.313	-	54.361.186.929
Cộng	<u>494.511.603.416</u>	<u>18.401.745.313</u>	<u>-</u>	<u>512.913.348.729</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

b) Lợi nhuận chưa phân phối	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	35.959.441.616	46.500.841.780
- Lợi nhuận phát sinh trong kỳ	18.401.745.313	44.458.279.836
- Điều chuyển cổ tức năm 2018 từ các công ty con sang lợi nhuận chưa phân phối năm trước để chia cổ tức năm nay	-	12.432.424.216
- Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	-	(39.599.890.000)
- Phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận sau thuế	-	(15.399.790.000)
- Nhận cổ tức năm 2018 từ các công ty con	-	(12.432.424.216)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	54.361.186.929	35.959.441.616

c) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 11 ngày 16/7/2019 là 455.399.680.000 đồng tương đương 45.539.968 Cổ phiếu, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phiếu.

Cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.539.968	45.539.968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	45.539.968	45.539.968
+ Cổ phiếu phổ thông	45.539.968	45.539.968
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	45.539.968	45.539.968
+ Cổ phiếu phổ thông	45.539.968	45.539.968
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

d) Cổ tức	Năm 2020	Năm 2019
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán	40.985.971.200	39.599.890.000

Cổ tức của năm 2019 đã công bố theo Nghị quyết số 32/NQHDQT-CTF/2020 ngày 09/9/2020 của Hội đồng quản trị với tỷ lệ dự kiến là 9% vốn điều lệ, tương đương 40.985.970.000 đồng. Căn cứ theo Nghị quyết số 35/NQHDQT-CTF/2020 ngày 23/10/2020, sau khi hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng trong quý 1 năm 2021, Công ty sẽ thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019.

20. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nợ khó đòi đã xử lý	5.356.110.813	5.356.110.813

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2020	Năm 2019
a) Doanh thu		
- Doanh thu bán hàng hoá	1.974.893.074.468	2.612.485.173.011
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	144.405.078.086	140.484.707.627
Cộng	2.119.298.152.554	2.752.969.880.638
Các khoản giảm trừ		
Hàng bán bị trả lại	-	2.558.747.164
Chiết khấu thương mại	38.272.727	3.028.181.818
Cộng doanh thu thuần	2.119.259.879.827	2.747.382.951.656

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

Chi tiết doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán xe	1.949.413.479.036	2.549.009.958.174
Doanh thu bán phụ tùng	25.441.322.705	57.888.285.855
Doanh thu cung cấp dịch vụ	140.105.878.399	136.897.684.521
Doanh thu khác	4.299.199.687	3.587.023.106
Cộng	2.119.259.879.827	2.747.382.951.656
b) Doanh thu đối với các bên liên quan		
- Công ty CP Ô tô Phú Mỹ	11.132.038.112	40.069.800.545
- Công ty CP Ô tô Nha Trang	15.210.526.184	11.015.577.229
- Công ty CP Auto Trường Chinh	9.564.072.728	11.015.577.229
Cộng	35.906.637.024	62.100.955.003
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2020	Năm 2019
- Giá vốn xe đã bán	1.888.660.728.936	2.437.496.901.399
- Giá vốn hàng hóa đã bán	23.090.123.964	53.277.794.456
- Giá vốn dịch vụ cung cấp	82.128.790.625	80.662.263.854
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (hoàn nhập)	(825.814.245)	-
Cộng	1.993.053.829.280	2.571.436.959.709
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2020	Năm 2019
- Lãi tiền gửi ngân hàng	15.971.320	26.117.735
- Lãi ký quỹ, lãi cho vay	737.947.169	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.165.919.550	12.432.424.216
Cộng	17.919.838.039	12.458.541.951
4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí lãi vay	21.026.357.438	26.897.323.301
Cộng	21.026.357.438	26.897.323.301
5. Chi phí bán hàng	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí nhân viên	32.424.348.039	42.651.563.914
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.246.320.907	2.372.156.891
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.929.554.007	7.680.383.470
- Chi phí hoa hồng bán hàng, khuyến mãi, hàng tặng	23.062.370.325	38.558.493.841
- Chi phí bằng tiền khác	15.460.502.106	4.718.253.053
Cộng	79.123.095.384	95.980.851.169

0501172
CỘNG HÒA
CHÍNH KẾ
VỤ TU
KIỂM TỐ
PHÍA NA
L.P.HỒ

C.T.C.P.
HỒ MÌNH
0

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

	Năm 2020	Năm 2019
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	11.363.182.594	14.085.231.372
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	968.965.766	553.570.773
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.588.873.245	1.624.449.810
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.670.092.109	16.555.520.571
- Chi phí bằng tiền khác	2.386.802.641	3.242.878.176
Cộng	33.977.916.355	36.061.650.702
7. Thu nhập khác	Năm 2020	Năm 2019
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	106.555.625	-
- Thu từ các chương trình thưởng từ Ford Việt Nam	5.897.654.000	8.715.909.000
- Xử lý công nợ lâu năm	2.401.987.569	-
- Hỗ trợ lãi suất, chi phí hoạt động	-	13.486.287.108
- Thu nhập khác	307.245.543	281.021.495
Cộng	8.713.442.737	22.483.217.603
8. Chi phí khác	Năm 2020	Năm 2019
- Lỗ từ việc thanh lý tài sản cố định	-	1.103.255.017
- Chi phí phạt nộp chậm thuế	307.946.612	791.209.416
- Chi phí khác	2.270.221	93.374.416
Cộng	310.216.833	1.987.838.849
9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2020	Năm 2019
- Lợi nhuận kế toán trước thuế	18.401.745.313	49.960.087.480
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	307.946.612	853.191.317
Trừ: Thu nhập chưa chịu thuế kỳ này	(17.326.886.971)	(10.871.816.363)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(17.165.919.550)	(12.432.424.216)
Thu nhập chịu thuế ước tính	(15.783.114.596)	27.509.038.218
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN phải nộp ước tính kỳ này	-	5.501.807.644
Thuế TNDN phải nộp bổ sung/(hoàn nhập) kỳ trước	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	5.501.807.644
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2020	Năm 2019
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	1.993.053.829.280	2.571.436.959.709
- Chi phí nhân công	43.787.530.633	56.736.795.286
- Chi phí khấu hao	3.862.194.142	3.996.606.701
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.599.646.116	24.235.904.041
- Chi phí khác	41.851.640.848	47.073.195.843
Cộng	2.106.154.841.019	2.703.479.461.580

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

VII. Những thông tin khác

1. Thông tin về các bên liên quan

a/ Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con
Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Trong năm tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu sau:

1. Bên liên quan là pháp nhân

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Bán hàng hóa	11.132.038.112
		Cung cấp dịch vụ	200.547.945
		Mua hàng hóa	9.155.939.909
		Cổ tức được chia và đã nhận	5.085.496.111
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Bán hàng hóa	15.210.526.184
		Mua hàng hóa	11.240.927.274
		Góp vốn	20.000.000.000
		Cổ tức được chia và đã nhận	356.474.636
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Bán hàng hóa	9.564.072.728
		Mua hàng hóa	9.593.523.528
		Cổ tức được chia và đã nhận	11.723.948.803

2. Bên liên quan là các thành viên quản lý

Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	Lương và thù lao	2.959.080.000
--	------------------	---------------

c/ Số dư phải thu/ (phải trả) đối với các bên liên quan đến ngày kết thúc năm tài chính:

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Công ty CP ô tô Phú Mỹ	Công ty con	Trả trước người bán	16.275.296.800
		Phải thu khách hàng	93.706.723
		Phải thu khác	2.200.548.742
		Phải trả khác	(56.572.000)
Công ty CP ô tô Nha Trang	Công ty con	Phải thu khách hàng	10.519.109.738
		Phải thu khác	1.698.072.813
Công ty CP Auto Trường Chinh	Công ty con	Phải thu khác	11.497.000.000
		Phải trả khác	(28.286.000)
Ông Trần Ngọc Dân	Chủ tịch HĐQT	Phải trả	(358.919.623)
Ông Nguyễn Hoàng Minh Tiến	Phó Tổng Giám đốc	Phải trả	(2.243.367.810)

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

2. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh xe, bộ phận dịch vụ sửa chữa, bộ phận kinh doanh phụ tùng, phụ kiện.

a. Báo cáo bộ phận năm 2020

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	1.949.413.479.036	144.405.078.086	25.441.322.705	2.119.259.879.827
2. Giá vốn hàng bán	1.888.660.728.936	82.128.790.625	22.264.309.719	1.993.053.829.280
3. Lợi nhuận gộp	60.752.750.100	62.276.287.461	3.177.012.986	126.206.050.547
4. Tài sản bộ phận	63.758.078.002	7.136.957.475	17.218.748.970	88.113.784.447
5. Tài sản không phân bổ				863.495.924.606
Tổng tài sản				951.609.709.053
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				438.696.360.324
Tổng nợ phải trả				438.696.360.324

b. Báo cáo bộ phận năm 2019

Chỉ tiêu	Kinh doanh xe	Dịch vụ sửa chữa	Kinh doanh phụ tùng	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	2.549.009.958.174	140.484.707.627	57.888.285.855	2.747.382.951.656
2. Giá vốn hàng bán	2.437.496.901.399	80.662.263.854	53.277.794.456	2.571.436.959.709
3. Lợi nhuận gộp	111.513.056.775	59.822.443.773	4.610.491.399	175.945.991.947
4. Tài sản bộ phận	162.739.699.983	3.488.447.734	22.896.655.708	189.124.803.425
5. Tài sản không phân bổ				756.699.364.288
Tổng tài sản				945.824.167.713
6. Nợ phải trả bộ phận				-
7. Nợ phải trả không phân bổ				451.312.564.297
Tổng nợ phải trả				451.312.564.297

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

4. Số liệu so sánh

Số liệu chi tiết của một số khoản mục đầu năm trình bày trên thuyết minh có trình bày phân loại lại cho phù hợp đến số dư cuối năm để so sánh. Tổng số dư không thay đổi

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

CÔNG TY CỔ PHẦN CITY AUTO

Địa chỉ: số 218, Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Chánh, thành phố Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

5. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Sau ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã thực hiện việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 455.399.680.000 đồng lên 683.000.000.000 đồng theo Nghị quyết số 369/NQ-CTF/2019 ngày 21/12/2019.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính.



Trương Thị Hồng Vân

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 3 năm 2021



Lê Thị Phú

Kế toán trưởng



Trần Ngọc Dân

Người đại diện theo pháp luật